

Số: 800/BC-UBND

*Xuân Lộc, ngày 15 tháng 12 năm 2022*

## **BÁO CÁO**

### **Công tác kiểm soát kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022**

Thực hiện Công văn số 5403/UBND-KSTT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc về việc thực hiện báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022, Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**

##### **1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

Công tác thực hiện kiểm soát chặt chẽ những quy định của TTHC ngay từ khâu dự thảo văn bản của các ngành cho đến khi tổ chức thực hiện theo tinh thần Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, thời gian qua xã luôn thực hiện kiểm soát đồng thời đánh giá tác động TTHC đối với các dự thảo văn bản QPPL có quy định của TTHC do xã thực hiện, trong năm 2022, HĐND, UBND xã chưa ban hành văn bản QPPL có quy định về hành chính.

##### **2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL**

- năm 2022 thẩm tra 02 văn bản QPPL.

##### **3. Về công bố, công khai thủ tục hành chính, danh mục TTHC**

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 04.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: Không

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 185, trong đó số TTHC được công khai 185.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương, trong đó số TTHC do trung ương, tỉnh quy định 113; số TTHC do địa phương quy định: không.

##### **4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC**

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản theo kế hoạch trong năm 2022

+ Nhóm thủ tục liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi khai sinh (2.001023).

- Nội dung rà soát; Bỏ nội dung thành phần hồ sơ, “Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh” trong trường hợp ông, bà, cô, chú, anh, chị, em đi đăng ký khai sinh

cho trẻ em, đã tiến hành rà soát theo kế hoạch và báo cáo đến UBND huyện theo quy định.

#### **5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, TTHC.**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: số tiếp nhận mới trong kỳ không; số từ kỳ trước chuyển qua không; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính không; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính không.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý không; trong đó đã được đăng tải công khai không.

- Số phản ánh kiến nghị đang xử lý: không.

(Biểu mẫu II 5a/VPCP/KSTT đính kèm)

#### **6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

- Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận trong năm 298 hồ sơ (trực tuyến 81; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính 0 ) sơ từ kỳ trước chuyển qua: 0.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết 294 trong đó hồ sơ giải quyết trước hạn 106 hồ sơ tỷ lệ 36,5%, đúng hạn 156 hồ sơ tỷ lệ 53,06%; trả quá hạn 33 hồ sơ tỷ lệ 11,2%; hồ sơ đang giải quyết 4, trong hạn 3, trễ hạn 1.

(Biểu mẫu II 6b/VPCP/KSTT đính kèm)

#### **7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện nghiêm túc việc việc tiếp nhận thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính Phủ, các ngành chuyên môn khi tiếp nhận hồ sơ một cửa, một cửa liên thông thực hiện trên hệ thống dịch vụ công theo quy định trong quý III việc giải quyết hồ sơ một cửa và liên thông kết quả giải quyết đạt 100%.

#### **8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử**

UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 263/KH-UBND ngày 13/8/2020 về thực hiện Nghị quyết 54, đồng thời triển khai Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực nhiệm Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường tử và kế hoạch số 3798/KH-UBND huyện ngày 25/8/2020 của UBND huyện và kế hoạch của UBND xã đến cán bộ, công chức để thực hiện.

Việc số hóa hồ sơ trong quý III tỷ lệ 89% trên tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết.

## **9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

- Trong các cuộc họp giao ban, họp thường kỳ của UBND xã đều đưa nội dung kiểm soát TTHC, cải cách hành chính vào quán triệt phổ biến, triển khai đến cán bộ, công chức biết và thực hiện.

## **10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC**

- UBND xã xây dựng kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC năm 2022, giao cho các công chức chuyên môn nghiên cứu và đề xuất sáng kiến trong quá trình giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã.

## **11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

Xây dựng kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC, việc kiểm tra chấp hành giờ giấc của cán bộ, công chức đến làm việc, chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra số 41/KH-UBND ngày 21/01/2022 của UBND xã về kiểm tra công tác CCHC, ISO, kiểm soát TTHC năm 2022, thực hiện việc kiểm tra theo kế hoạch đề ra, đã kiểm tra 02 bộ phận văn hóa- xã hội, tư pháp- hộ tịch theo kế hoạch kiểm tra vào tháng 9 năm 2022 và thường xuyên kiểm tra trong các cuộc họp về tình hình giải quyết hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

## **12. Nội dung khác**

- Về công tác xây dựng, ban hành tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ trong nội bộ, ngành, địa phương (quy chế, kế hoạch)

Đầu năm UBND xã ban hành kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 24/02/2022 của UBND xã về kiểm soát TTHC năm 2022, kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 13/01/2022 của UBND xã về rà soát TTHC năm 2022, các kế hoạch được triển khai trong cuộc họp UBND xã để biết và thực hiện.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Công tác kiểm soát TTHC đã đem lại hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước tại địa phương, chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày được nâng cao thông qua thực hiện và duy trì cơ chế một cửa với các thủ tục hành chính được cải cách theo hướng nhanh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo 3 giảm: giảm thủ tục, giảm thời gian và giảm chi phí, đồng thời kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức đã tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các cá nhân, tổ chức đến liên hệ làm việc, đem đến sự hài lòng cho người dân. UBND cơ bản hoàn thành công tác kiểm soát TTHC của cơ quan trong năm 2022.

2. Lãnh đạo UBND xã thường xuyên theo dõi sâu sát việc lập và ban hành kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC.

**3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc;**

- Việc thực hiện dịch vụ công mức độ 3,4 chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

**III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ**

1. Tiếp tục triển khai kế hoạch số 263/KH-UBND ngày 13/8/2020 về thực hiện nghị quyết 54, đồng thời triển khai Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực nhiệm Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường tử và kế hoạch số 3798/KH-UBND ngày 25/8/2020 của UBND huyện Phú Lộc.

2. Tiếp tục thực hiện công tác rà soát các thủ tục hành chính, kiểm tra công tác CCHC theo kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2022, Ủy ban nhân xã kính báo cáo UBND huyện./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện;
- VP.UBND huyện;
- CT.PCT UBND xã;
- Các ngành liên quan;
- Lưu: VT,VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Sinh**



Biểu số II.06b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ  
TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN HÀNH  
CHÍNH**

**Kỳ báo cáo: năm 2022**

*(Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/12/2022)*

- Đơn vị báo cáo:  
UBND cấp huyện.  
- Đơn vị nhận báo cáo: UBND cấp  
tỉnh.

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.*

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) +(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
<b>I.</b>	<b>Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp huyện</b>											
1	Lĩnh vực BT-XH cấp huyện	41	0	41	0	41	40	0	1	0	0	0
2	Lĩnh vực đất đai cấp huyện	23	0	23	0	21	1	12	10	02	01	01
	<b>Tổng cộng</b>	<b>64</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>0</b>	<b>62</b>	<b>41</b>	<b>12</b>	<b>11</b>	<b>02</b>	<b>01</b>	<b>01</b>
<b>II.</b>	<b>Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của các UBND cấp xã</b>											
1	Lĩnh vực chứng thực	118	33	85	0	118	8	95	15	0	0	0
2	Lĩnh vực Hộ tịch	108	48	60	0	108	53	49	6	0	0	0
3	Lĩnh vực BT-XH	04	04	0	0	04	04	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực đất đai	02	0	02	0	0	0	0	0	02	02	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>232</b>	<b>81</b>	<b>151</b>		<b>232</b>	<b>65</b>	<b>144</b>	<b>21</b>	<b>02</b>	<b>02</b>	<b>0</b>

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỰC TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: năm 2022**

*(Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/12/2022)*

- Đơn vị báo cáo:

+ UBND cấp huyện;

+ Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND cấp tỉnh.

*Đơn vị tính: TTHC, %.*

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

ST T	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	cấp huyện	Cấp xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+ (9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12) +(13)+14 )	(12)	(13)	(14)
1	Lĩnh vực người có công	02	0	0	02	02	0	0	02	02	0	0	02
2	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em	06	0	0	06	0	0	0	06	06	0	0	06
3	Lĩnh vực bảo trợ xã hội: 08 TTHC	8	0	0	8	0	0	0	08	08	0	0	08
4	Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội:	3	0	0	3	0	0	0	3	3	0	0	3
5	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	5	0	0	5	0	0	0	5	5	0	0	5
6	Lĩnh vực Văn hóa và thể thao	7	0	0	7	0	0	0	7	7	0	0	7
7	Lĩnh vực y tế	1	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1

8	Lĩnh vực nội vụ												
	-Tôn giáo; 10 TTTC	10	0	0	10	0	0	0	10	8	0	0	8
	-Thi đua khen thưởng	4	0	0	4	0	0	0	4	2	0	0	4
9	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	4	0	0	4	0	0	0	4	4	0	0	4
10	Lĩnh vực Khuyến nông	1	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1
11	Tài Nguyên và môi trường	23											
	- Lĩnh vực đất đai	23											
	- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp	02	0	0	02	0	0	0	02	02	0	0	02
	- Thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện.	21	0	0	21	0	0	0	21	21	0	0	21
12	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	02	0	0	02	0	0	0	02	02	0	0	02
13	Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở	04	0	0	04	0	0	0	04	04	0	0	04
14	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	01	0	0	01	0	0	0	01	01	0	0	01
15	Lĩnh vực chứng thực	11	0	0	11	0	0	0	11	11	0	0	11
16	Lĩnh vực hộ tịch	21	0	0	21	0	0	0	21	21	0	0	19
17	Lĩnh vực nuôi con nuôi	3	0	0	3	0	0	0	3	3	0	0	3
18	Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện	02	0	0	2	0	0	0	2	2	0	0	2



19	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai	05	0	0	05	0	0	0	05	05	0	0	05
20	Lĩnh vực Tổ cáo	01	0	0	01	0	0	0	01	01	0	0	01
21	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	03	0	0	03	0	0	0	03	03	0	0	03
22	Lĩnh vực trồng trọt	01	0	0	01	0	0	0	01	01	0	0	01
23	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	01	0	0	01	0	0	0	01	01	0	0	01
24	Lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường	01	0	0	01	0	0	0	01	01	0	0	01
25	Lĩnh vực môi trường	02	0	0	02	0	0	0	01	01	0	0	01

## II. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

26	Lĩnh vực dân tộc	02	0	02	0	0	02	0	0	02	0	02	0
27	Lĩnh vực người có công	23	0	23	0	0	23	0	0	23	0	23	0
28	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	08	0	08	0	0	08	0	0	08	0	08	0
29	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	02	0	02	0	0	02	0	0	02	0	02	0
30	Lĩnh vực việc làm	03	0	03	0	0	03	0	0	03	0	03	0
31	Lĩnh vực hộ tịch	01	0	01	0	0	01	0	0	01	0	01	0

## III. LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT QUẢN LÝ CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP XÃ

31	Lĩnh vực động viên quân đội	02	02	0	0	0	02	0	0	02	02	0	0
----	-----------------------------	----	----	---	---	---	----	---	---	----	----	---	---

32	Lĩnh vực BHXH	01	01	0	0	0	01	0	0	01	01	0	0
33	Lĩnh vực DQTV	02	02	0	0	0	02	0	0	02	02	0	0
34	Lĩnh vực NVQS	07	07	0	0	0	07	0	0	07	07	0	0
35	Lĩnh vực chính sách	02	02	0	0	0	02	0	0	02	02	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>185</b>	<b>14</b>	<b>60</b>	<b>111</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>58</b>	<b>111</b>	<b>183</b>	<b>14</b>	<b>60</b>	<b>105</b>

Biểu số  
II.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG  
ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA  
PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: năm 2022**  
(Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/12/2022)

**- Đơn vị báo cáo:**  
+ UBND cấp huyện;  
+ Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.  
**- Đơn vị nhận báo cáo:**  
UBND cấp tỉnh.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
<b>A</b>	<b>DVCTT DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO</b>							
I	CẤP TRUNG ƯƠNG							
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
1.1	DVCTT...	0						
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
	TỔNG CỘNG	0						
II	CẤP TỈNH	0						
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
1.1	DVCTT...	0						
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
III	CẤP HUYỆN	0						

<b>1</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
1.1	DVCTT...	0						
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
IV	CẤP XÃ	0						
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
1.1	DVCTT...	0						
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực...</b>	0						
<b>B</b>	<b>ĐVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI</b>							
I	CẤP TỈNH							
<b>1.</b>	<b>Lĩnh vực dân tộc</b>							
1.1	DVCTT	0	0	0	2	2	0	1
II	CẤP HUYỆN							
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực BT-XH</b>							
1.1	DVCTT	0	0	0	0	0	0	1
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>							
	DVCTT	0	0	0	0	0	0	1
III	CẤP XÃ							
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực tôn giáo</b>							
1.1	DVCTT	0	0	0	10	10	0	1

<b>2</b>	<b>Lĩnh vực thi đua, khen thưởng</b>							
2.1	DVCTT	0	0	0	4	4	0	1
<b>3</b>	<b>Lĩnh vực bảo trợ xã hội</b>							
3.1	DVCTT	0	0	0	7	7	01	1
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục- Đào tạo</b>							
4.1	DVCTT	0	0	0	5	5	0	1
<b>5</b>	<b>Lĩnh vực người có công</b>							
5.1	DVCTT	0	0	0	1	1	0	1
<b>6</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>							
6.1	DVCTT	0	0	0	1	1	0	1
<b>7</b>	<b>Lĩnh vực chức thực</b>							
7.1	DVCTT	7	7	33	0	0	0	1
<b>8</b>	<b>Lĩnh vực hộ tịch</b>							
8.1	DVCTT	15	15	18	4	4	26	1
<b>9</b>	<b>Lĩnh vực nuôi con nuôi</b>							
	DVCTT	0	0	0	0	0	0	1
<b>10.</b>	<b>Phòng chống tham nhũng</b>							
10.1	DVCTT	0	0	0	4	4	0	1
<b>11</b>	<b>Lĩnh vực BV chăm sóc trẻ em</b>							
11.1	DVCTT	0	0	0	5	5	0	1
<b>12</b>	<b>Phòng chống TN-XH</b>							
12.1	DVCTT	1	1	0			0	1

<b>13</b>	<b>Lĩnh vực hòa giải cơ sở</b>							
13.1	DVCTT	0	0	0	4	4	0	1
<b>14</b>	<b>Lĩnh vực y tế</b>							
14.1	DVCTT	0	0	0	1	1	0	1
<b>15</b>	<b>Quy hoạch xây dựng</b>							
15.1	DVCTT	0	0	0	1	1	0	1
<b>16</b>	<b>Lĩnh vực phòng chống thiên tai</b>							
16.1	DVCTT	0	0	0	4	4	0	1
<b>17</b>	<b>Kinh vực kinh tế- HTX</b>	0	0	0	3	3	0	1
17.1	DVCTT							
<b>18</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>							
18.1	DVCTT	0	0	0	0	0	0	1
<b>19</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>							
19.1	DVCTT	0	0	0	1	1	0	1
<b>20</b>	<b>Lĩnh vực môi trường</b>							
20.1	DVCTT	0	0	0	2	2	0	1
21.1	<b>Lĩnh vực văn hóa- thể thao</b> DVCTT	02	02	0	0	0	0	1
22.1	<b>Lĩnh vực phí Bảo vệ môi trường</b> DVCTT	01	01	0	0	0	0	1
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>51</b>	<b>50</b>	<b>50</b>	<b>26</b>	